

CÔNG TY TNHH BAO BÌ FS
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH BAO BÌ FS

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: FS PACKAGING COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0109358097

3. Ngày thành lập: 30/09/2020

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 46, ngõ 226/29 đường 422B, xóm 14 thôn Hậu Ái, Xã Vân Canh, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0901623666

Fax:

Email: trikientk@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
2.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
3.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
4.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
5.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
6.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
7.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
8.	Sản xuất đường	1072
9.	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo	1073
10.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	1074
11.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
12.	Sản xuất chè	1076
13.	Sản xuất cà phê	1077
14.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
15.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
16.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
17.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
18.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
19.	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1702
20.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu	1709
21.	In ấn	1811
22.	Dịch vụ liên quan đến in	1812

23.	Sản xuất than cốc	1910
24.	Sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế	1920
25.	Sản xuất hoá chất cơ bản	2011
26.	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	2012
27.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013(Chính)
28.	Sản xuất thuốc trừ sâu và sản phẩm hoá chất khác dùng trong nông nghiệp	2021
29.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022
30.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
31.	Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu	2029
32.	Sản xuất sợi nhân tạo	2030
33.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
34.	Sản xuất thuỷ tinh và sản phẩm từ thuỷ tinh	2310
35.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
36.	Sản xuất kim loại quý và kim loại màu	2420
37.	Đúc sắt, thép	2431
38.	Đúc kim loại màu	2432
39.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
40.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
41.	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)	2513
42.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
43.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
44.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
45.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
46.	Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)	2811
47.	Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu	2812
48.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	2813
49.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
50.	Sản xuất lò nung, lò luyện và lò nung	2815
51.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
52.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
53.	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	2818
54.	Sản xuất máy thông dụng khác	2819
55.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
56.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822

57.	Sản xuất máy luyện kim	2823
58.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
59.	Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	2825
60.	Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da	2826
61.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
62.	Sản xuất đồ kim hoàn và chi tiết liên quan	3211
63.	Sản xuất đồ giả kim hoàn và chi tiết liên quan	3212
64.	Sản xuất nhạc cụ	3220
65.	Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao	3230
66.	Sản xuất đồ chơi, trò chơi	3240
67.	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng	3250
68.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu	3290
69.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
70.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
71.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
72.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
73.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
74.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
75.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
76.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
77.	Bán buôn thực phẩm	4632
78.	Bán buôn đồ uống	4633
79.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
80.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
81.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
82.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ kinh doanh vàng miếng, vàng nguyên liệu và hàng hóa bị cấm khác)	4773
83.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Trừ hoạt động đấu giá)	4791
84.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (Trừ hoạt động đấu giá)	4799
85.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu	8299

6. Vốn điều lệ: 2.000.000.000 VNĐ

7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên:

Giới tính:

Sinh ngày:

Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:

Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: TRẦN VĂN KIÊN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 10/05/1985

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 036085009194

Ngày cấp: 10/09/2019

Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm 14 thôn Hậu Ái, Xã Vân Canh, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Xóm 14 thôn Hậu Ái, Xã Vân Canh, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội